



FROM



Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Ambetter.pshpgeorgia.com

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter of Peach State Health Plan, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRI)		
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 day(s) retail; 280 ml per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
RINVOQ TB24	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA
Antirheumatic Antimetabolites		
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.072 ea daily); PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
HUMIRA PEN AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
Gold Compounds		
RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
Interleukin-1 Blockers		
ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
OTEZLA TABS	4	QL(2 ea daily); PA
OTEZLA TBPB	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OTEZLA TBPB	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
Salicylates			<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			METHADONE HCL SOLN IJ	1B	
Opioid Agonists			<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)			
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA			

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA	<i>butalbital-aspirin-cafeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA			
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)			
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)			
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA			
Opioid Combinations					
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1B	
Androgens		
<i>ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR</i>	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
<i>TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML</i>	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
<i>UCERIS (budesonide (intrarectal))</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))</i>	3	QL(2 gm daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
EMVERM CHEW	2	QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANGIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>flecainide acetate</i>	1B		<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B		SPIRIVA HANDIHALER CAPS (<i>tiotropium bromide monohydrate</i>)	2	QL(1 ea daily)
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B		SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
Antiarrhythmics Type III			<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B		Leukotriene Modulators		
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B		<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dofetilide</i>	1B		<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions			<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies			<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA	<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA	Steroid Inhalants		
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA	ALVESCO	3	PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA	ARNUITY ELLIPTA	2	
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA	<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA	<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA	PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	QVAR REDHALER	2	
Anti-Inflammatory Agents			Sympathomimetics		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)	AIRDUO DIGIHALER 113/14	3	
Bronchodilators - Anticholinergics			AIRDUO DIGIHALER 232/14	3	
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)	AIRDUO DIGIHALER 55/14	3	
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
AIRSUPRA	3	
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B	
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	
BREO ELLIPTA	2	
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	
DULERA	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	
<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)
<i>levalbuterol hcl</i>	1B	
<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)
PROAIR DIGIHALER	3	
PROAIR RESPICLICK AEPB	3	
SEREVENT DISKUS	2	
STIOLTO RESPIMAT	2	
STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Xanthines		
<i>aminophylline SOLN</i>	1B	
<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)
<i>theophylline TB12</i>	1B	
<i>theophylline TB24</i>	1B	
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 day(s) retail; 900 ml per 30 days mail)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)	<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 day(s) retail; 7 ml per 180 days mail); SP	<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 day(s) retail; 5 ml per 180 days mail); SP	<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP	<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP	NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B		VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B		VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
Thrombin Inhibitors			VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B		Anticonvulsants - Misc.		
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures			APTOM	3	QL(2 ea daily); ST
AMPA Glutamate Receptor Antagonists			BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA	BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA	BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA	<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1B	
Anticonvulsants - Benzodiazepines			<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
			<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B	
			<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
			<i>carbamazepine SUSP</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>carbamazepine TABS</i>	1B	
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>DIACOMIT CAPS 500 MG</i>	4	QL(6 ea daily); PA
<i>DIACOMIT CAPS 250 MG</i>	4	QL(12 ea daily); PA
<i>DIACOMIT PACK 500 MG</i>	4	QL(6 ea daily); PA
<i>DIACOMIT PACK 250 MG</i>	4	QL(12 ea daily); PA
<i>EPIDIOLEX</i>	3	PA
<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)
<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA
<i>TEGRETOL SUSP (carbamazepine)</i>	2	
<i>TEGRETOL TABS (carbamazepine)</i>	2	
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
Carbamates		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
GABA Modulators		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
Hydantoins		
<i>DILANTIN (phenytoin sodium extended)</i>	2	
<i>DILANTIN</i>	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2		<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2		<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B		<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B		<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B		<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>phenytoin CHEW</i>	1B		<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>phenytoin SUSP</i>	1B		Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
Succinimides			EMSAM	3	QL(1 ea daily)
CELONTIN (<i>methsuximide</i>)	3	QL(4 ea daily)	MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 ea daily)	N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 ea daily)	SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA
Valproic Acid			SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B		Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>valproic acid CAPS</i>	1B		<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression			<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)			<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)			
Antidepressants - Misc.					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1B	
FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B	
<i>amoxapine</i>	1B	
<i>clomipramine hcl</i>	1B	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
SOLQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 ea daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 ea daily)
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA
Biguanides		
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Incretin Mimetic Agents		
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
VICTOZA (<i>liraglutide</i>)	2	QL(0.3 ml daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
LEVEMIR SOLN	3	PA
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 ea daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily)
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPB	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
QUZYTIR SOLN IV	3	PA
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>clonidine PTWK</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide</i> 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide</i> TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	1B	
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide</i> TABS 25 MG-50 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide</i> 12.5 MG-20 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide</i> 12.5 MG-10 MG	1B	QL(3 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide</i> 25 MG-20 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl</i> 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl</i> 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	3	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl</i> SOLN	1B	
<i>hydralazine hcl</i> TABS	1B	
<i>minoxidil</i> 2.5 MG, 10 MG	1B	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole</i> TABS	1B	
<i>trimethoprim</i> TABS	1B	
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily; 9 ea per 3 day(s) retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim</i> SOLN	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim</i> SUSP	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim</i> TABS	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide</i> TABS	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium</i> IJ	1B	
<i>imipenem-cilastatin</i> IV	1B	
<i>meropenem</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 day(s) retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
TRECATOR	3	QL(4 ea daily)
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>melphalan</i>	1B	
<i>melphalan hcl IV</i>	1B	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antimetabolites			LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Antibodies		
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	ADCETRIS	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	ARZERRA	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	RUXIENCE	4	PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		TRUXIMA	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		YERVOY	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP	KANJINTI	4	PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	OGIVRI	4	PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	PERJETA	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	TRAZIMERA	4	PA
TABLOID	4	SP; PA	TUKYSA	4	PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA	Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors			ERBITUX	4	SP; PA
INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA	<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	TAGRISSO 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA
			TAGRISSO 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA
			VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA
			VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
DAURISMO	4	PA
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 ea daily); SP
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
EMCYT	4	SP; PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP
FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA
<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
<i>letrozole</i>	1B	
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0358 ea daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
LYSODREN	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
ORGOVYX	4	PA
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>toremifene citrate</i>	1B	
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators		
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
XPOVIO	4	PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA
Antineoplastic Antibiotics		
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	COPIKTRA	4	PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
Antineoplastic Combinations			IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	PA	IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	PA	ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	PA	<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
ALUNBRIG TBPk	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
BALVERSA	4	PA	INREBIC	4	PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KISQALI	4	PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA	KOSELUGO	4	PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA	KYPROLIS	4	PA
BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
BRUKINSA	4	PA	LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA	LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST SOLR	4	PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST TABS	4	PA
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA	MEKTOVI	4	SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA	NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA
			<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
			PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA	VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
QINLOCK	4	PA	XOSPATA	4	PA
RETEVMO CAPS	4	PA	ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA	ZELBORAF	4	SP; PA
SCEMBLIX 20 MG	4	QL(2 ea daily); PA	ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 ea daily); PA	ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
SCEMBLIX 40 MG	4	QL(10 ea daily); PA	Antineoplastic Enzymes		
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ONCASPAR	4	SP; PA
SPRYCEL (<i>dasatinib</i>)	4	QL(1 ea daily); SP; PA	Antineoplastics Misc.		
STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
TABRECTA	4	PA	<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
TAFINLAR CAPS	4	PA	<i>hydroxyurea</i>	1B	
TAFINLAR TBSO	4	PA	MATULANE	4	SP; PA
TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA	NIPENT	4	SP; PA
TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
TAZVERIK	4	PA	SYNRIBO	4	SP; PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
TIBSOVO	4	PA	UVADEX	4	SP; PA
TURALIO	4	PA	Chemotherapy Adjuncts		
VERZENIO	4	PA	KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
VITRAKVI CAPS	4	PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
			<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B		<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
VORAXAZE	4	SP; PA	<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
Mitotic Inhibitors			<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA	<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA	<i>tolcapone</i>	1B	
ETOPOPHOS	4	SP; PA	Antiparkinson Dopaminergics		
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA	<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	PA	<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
HALAVEN (<i>eribulin mesylate</i>)	4	SP; PA	<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA	<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
JEVTANA	4	SP; PA	<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA	<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
Topoisomerase I Inhibitors			<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA	NEUPRO	2	
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA	<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4		<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4		<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease			<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
Antiparkinson Adjunctive Therapy			<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
<i>carbidopa</i>	1B		Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
Antiparkinson Anticholinergics			<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B				

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA
FANAPT TITRATION PACK	2	PA
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
RISPERDAL CONSTA (<i>risperidone microspheres</i>)	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B		<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B		<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B		<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>perphenazine TABS</i>	1B		<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>prochlorperazine</i>	1B		<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B		<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>thioridazine hcl</i>	1B		<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B		EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)
Quinolinone Derivatives			<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)
REXULTI	3	PA	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Thioxanthenes			FUZEON SOLR	4	SP; PA
<i>thiothixene</i>	1B		GENVOYA	3	QL(1 ea daily)
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections			INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)
Antiretrovirals			ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)	ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)	ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	JULUCA	3	QL(1 ea daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	QL(2 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST	LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)
<i>darunavir TABS</i>	1B		<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)			

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>nevirapine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
NORVIR CAPS	2	QL(12 ea daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 ea daily)
PREZISTA TABS (<i>darunavir</i>)	3	
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 ea daily)
RUKOBIA	4	PA
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>stavudine CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
TYBOST	3	QL(1 ea daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
CMV Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 ea daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 200 MG	4	QL(1 ea daily); PA
SOVALDI TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
VOSEVI	4	QL(1 ea daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1B	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
DILTIAZEM HCL SOLR	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	
<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPB	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS (<i>ivabradine hcl</i>)	3	QL(2 ea daily); PA
<i>ivabradine hcl</i> TABS	1B	QL(2 ea daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil</i> CAPS	1B	
<i>cefadroxil</i> SUSR	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefadroxil</i> TABS	1B	
<i>cefazolin sodium</i> SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	1B	
<i>cephalexin</i> CAPS	1B	
<i>cephalexin</i> SUSR	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor</i> CAPS	1B	
<i>cefaclor</i> SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	1B	
<i>cefotetan disodium</i> IJ 1 GM, 2 GM	1B	
<i>cefoxitin sodium</i> IV 1 GM, 2 GM	1B	
<i>cefprozil</i> SUSR	1B	
<i>cefprozil</i> TABS	1B	
<i>cefuroxime axetil</i> TABS	1B	
<i>cefuroxime sodium</i> IJ 750 MG	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir</i> CAPS	1B	
<i>cefdinir</i> SUSR	1B	
<i>cefixime</i> CAPS	1B	
<i>cefixime</i> SUSR	1B	ST
<i>cefotaxime sodium</i> IJ 1 GM, 2 GM	1B	
<i>cefpodoxime proxetil</i> SUSR	1B	
<i>cefpodoxime proxetil</i> TABS	1B	
<i>ceftazidime</i> IJ 1 GM, 6 GM	1B	
<i>ceftriaxone sodium</i> IJ 250 MG	1A	
<i>ceftriaxone sodium</i> IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG	1B	
Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefepime hcl</i> SOLR IV 2 GM	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy			<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
Combination Contraceptives - Oral			<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0	
BALCOLTRA (<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>)	0		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
FEMLYV TBDP	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0		TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 day(s) retail; 9 ea per 84 days mail)
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0		Combination Contraceptives - Vaginal		
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0		ANNOVERA	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0		<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0		Copper Contraceptives - IUD		
LO LOESTRIN FE TABS	0		PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	0	
NATAZIA	0		Emergency Contraceptives		
NEXTSTELLIS	0		ELLA	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0		<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Progestin Contraceptives - Implants			<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
NEXPLANON	0		<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
Progestin Contraceptives - Injectable			<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		EMFLAZA SUSP (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 day(s) retail)	EMFLAZA TABS (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 day(s) retail)	<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
Progestin Contraceptives - IUD			<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
KYLEENA	0		MEDROL TABS	3	
LILETTA 20.1 MCG/DAY	0		<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
MIRENA	0		<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
SKYLA	0		<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
OPILL	0		<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
SLYND	0	QL(1 ea daily)	<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions			<i>prednisolone TABS</i>	1B	
Glucocorticosteroids			<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>deflazacort SUSP</i>	4	PA	<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA	<i>prednisone TBPK</i>	1B	
DEPO-MEDROL SUSP	3		SOLU-CORTEF 250 MG	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B		SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B		SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B				
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B				

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
TUZISTRA XR	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST; RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 day(s) retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 day(s) retail; 15 gm per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 gm per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)	PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	Antipruritics - Topical		
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	Antipsoriatics		
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ml daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B		<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>tavaborole</i>	1B	PA	<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
Anti-inflammatory Agents - Topical			<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical			COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
			COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
			COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
			<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>amcinonide LOTN</i>	3	
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA	<i>amcinonide OINT</i>	3	
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
TREMFYA SOLN	4	QL(0.72 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)			
Burn Products					
<i>mafenide acetate PACK</i>	3				
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)			
SULFAMYLON CREA	3				
Corticosteroids - Topical					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA	<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	HALOG OINT	3	PA
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 ea daily); RX/OTC
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
			<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
			<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
			<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>prednicarbate OINT</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
SYNERA PTCH	3	QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Scabicides & Pediculicides			RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA	TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
<i>malathion</i>	1B		TRUE TRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
<i>permethrin CREA</i>	1B		DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B		Digestive Enzymes		
<i>spinosad</i>	1B	PA	CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
Wound Care Products			PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
DIAGNOSTIC PRODUCTS					
Diagnostic Drugs					
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)			
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA			
Diagnostic Tests					
CHEMSTRIP-K STRP	1B				
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B				
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B				
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B				
KETONE TEST STRIPS STRP	1B				
KETONE STRP	1B				
KETOSTIX STRP	1B				
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B				
PRECISION XTRA	1B				
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>torsemide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
DIURIL SUSP	2	QL(20 ml daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
FORTEO SOPN (teriparatide)	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
<i>clomiphene citrate TABS</i>	3	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
Growth Hormone Receptor Antagonists		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA 2 MG	4	PA
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI SC	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	SP; PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA	ACTIVEVELLA TABS 1 MG-0.5 MG (<i>estradiol & norethindrone acetate</i>)	3	
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA	ANGELIQ	3	
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA	BIJUVA	3	
STRENSIQ	4	PA	CLIMARA PRO	3	
Posterior Pituitary Hormones			COMBIPATCH PTTW	3	
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B		DUAVEE	3	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B		<i>esterified estrogens & methyltestosterone</i>	3	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA	<i>estradiol & norethindrone acetate TABS</i>	3	
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA	<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	PREFEST	3	
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	PREMPHASE	2	
Prolactin Inhibitors			PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
<i>cabergoline</i>	1B		Estrogens		
Somatostatic Agents			DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1B	
<i>octreotide acetate KIT</i>	4	PA	DEPO-ESTRADIOL	3	
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA	ELESTRIN GEL	3	
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (<i>octreotide acetate</i>)	4	PA	<i>estradiol valerate</i>	1B	
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA	<i>estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM</i>	1B	
SIGNIFOR	4	PA	<i>estradiol GEL 0.06 %</i>	3	
Vasopressin Receptor Antagonists			<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
JYNARQUE TBPB	4	SP; PA	<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs			ESTROGEL GEL (<i>estradiol</i>)	3	
Estrogen Combinations			EVAMIST SOLN	3	
			MENEST	3	
			MENOSTAR PTWK	3	
			PREMARIN SOLR	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
CIPRO SUSR	2	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIIO	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		
TAVALISSE	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTelet	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
NYVEPRIA	4	PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROMACTA PACK	4	QL(1 ea daily); PA
PROMACTA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL (<i>plerixafor</i>)	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	PA
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Saline Laxatives		
OSMOPREP	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS	2	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	
DUREX TROPICAL MISC	0	
FANTASY LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	
FANTASY LUBRICATED MISC	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
			REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	
			REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	
FEMCAP DEVI	0		REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0		TROJAN MAGNUM MISC	0	
KIMONO COLORS DEVI	0		TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	0	
KIMONO LUBRICATED MISC	0		TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	0	
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0		TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	0	
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TRUE COVER DEVI	0	
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDDED MISC	0	
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	
KIMONO SPECIAL DEVI	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0		TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0		TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	
MAXX LUBRICATED MISC	0				
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC	0		FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0		RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0		SELECT LANCETS	1B	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0		SELECT LANCETS	1	6.66/day
Diabetic Supplies			TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA	Parenteral Therapy Supplies		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day; #
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Headaches		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); ST
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail; 10 ea per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
zolmitriptan TBDP	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	1B	
MINERALS & ELECTROLYTES			potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	1B	
Bicarbonates			POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	
sodium acetate SOLN	1B		POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	1B		ringer's	1B	
Calcium			Fluoride		
calcium chloride (dihydrate) SOLN	1B		sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	0	QL(1 ea daily)
Electrolyte Mixtures			Magnesium		
dextrose in lactated ringers	1B		magnesium sulfate IJ 50 %	1B	
electrolyte-148	1B		Phosphate		
electrolyte-a	1B		potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML	1B	
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B		Potassium		
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B		potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML	1B	
ISOLYTE-S	1B		potassium bicarbonate TBEF	1B	
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	1B		potassium chloride microencapsulated crystals er	1B	
lactated ringer's	1B				
NORMOSOL-M/D5W	1B				
NORMOSOL-R	1B				
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	1B				
PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	1B				
potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B		<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA	ENSPRYNG	4	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 ea daily); PA
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B		<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
Sodium			<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B		<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES			NULOJIX	4	SP; PA
Chelating Agents			PROGRAF PACK	2	PA
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA	PROGRAF SOLN	2	
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)	SIMULECT	3	
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA	<i>sirolimus TABS</i>	1B	
Immunomodulators			<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	Irrigation Solutions		
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
Immunosuppressive Agents			<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
ATGAM	4	SP; PA	<i>ringer's irrigation</i>	1B	
AZATHIOPRINE	1B		<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B		Potassium Removing Agents		
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B		LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1B		<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
			MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
			Anesthetics Topical Oral		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
DEBACTEROL	2	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl</i>	1B	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
MULTIVITAMINS		
Ped MV w/ Fluoride		
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC
Prenatal Vitamins		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL PLUS VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen</i> TABS	1B	
<i>carisoprodol</i> TABS	1B	
<i>chlorzoxazone</i> TABS 750 MG	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>chlorzoxazone</i> TABS 500 MG	1B	QL(6 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl</i> TABS 5 MG, 10 MG	1A	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone</i> 800 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol</i> TABS 500 MG, 750 MG	1B	
<i>orphenadrine citrate</i> TB12	1B	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl</i> CAPS	1B	
<i>tizanidine hcl</i> TABS	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium</i> CAPS	1B	QL(4 ea daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal)</i> 0.03 %	1B	QL(1 ml daily)
<i>ipratropium bromide (nasal)</i> 0.06 %	1B	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i> 0.025 %	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal)</i> SUSP	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal)</i> SUSP	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal)</i> AERO	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
<i>XEOMIN</i>	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 100 MG/10ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
<i>CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%</i>	3	
<i>CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%</i>	3	
<i>CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%</i>	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>apraclonidine hcl</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
<i>IOPIDINE</i>	3	
Ophthalmic Anti-infectives		
<i>AZASITE</i>	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
<i>BESIVANCE</i>	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>KLARITY-A</i>	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
<i>NATACYN</i>	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
<i>ZIRGAN GEL</i>	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Ophthalmic Steroids		
ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
PRED-G SUSP	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmic Surgical Aids		
HEALON PRO SOSY	3	PA
PROVISC SOSY	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIIL	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
<i>LUCEMYRA (lofexidine hcl)</i>	3	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlorthalidone-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
INGREZZA CPSP	4	QL(1 ea daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.5 ea daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>pimozide</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluorocyclines		
<i>XERAVA</i>	4	PA
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
<i>ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG</i>	2	
<i>ARMOUR THYROID TABS</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
<i>NP THYROID 120 TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>NP THYROID 15 TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>NP THYROID 30 TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>NP THYROID 60 TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>NP THYROID 90 TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)</i>	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
<i>ADACEL SUSP</i>	0	
<i>BOOSTRIX SUSP</i>	0	
<i>BOOSTRIX SUSY</i>	0	
<i>DAPTACEL</i>	0	
<i>DIPHTHERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP</i>	0	
<i>INFANRIX</i>	0	
<i>KINRIX SUSY</i>	0	
<i>PEDIARIX SUSY</i>	0	
<i>PENTACEL</i>	0	
<i>QUADRACEL SUSP</i>	0	
<i>QUADRACEL SUSY</i>	0	
<i>TDVAX SUSP</i>	0	
<i>TENIVAC INJ</i>	0	

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI	0	
MENVEO SOLN	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN	0	
PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
TRUMENBA	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail
Viral Vaccines		
ABRYSVO	0	
AFLURIA 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0	
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0	
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	
COMIRNATY 2024-25 SUSY	0	
COMIRNATY SUSP	0	
ENGRIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
ENGRIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
FLUAD 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Ambetter Formulary Updated December 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK 2024-2025 SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUZONE 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUZONE 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
HAVRIX	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 292 day(s) retail; 2 max fill(s) per 292 day(s) mail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	0	
IPOL INACTIVATED IPV	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
JANSSEN COVID-19 VACCINE	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6 M-4Y	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/B A.4/BA.5	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6M O-5Y	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA. 4/BA.5	0		PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0				
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0				
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
RECOMBIVAX HB SUSP	0	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	
ROTARIX SUSP	0	
ROTARIX SUSR	0	
ROTATEQ SOLN	0	
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA	0	
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Miscellaneous Vaginal Products		
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 day(s) retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
ESTRING RING	3	
FEMRING	3	
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
NIACIN TR TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	30	ACTIVELLA TABS 1 MG-0.5 MG (estradiol & norethindrone acetate) 46	AIMOVIG	54
abacavir sulfate TABS	30		AIMSCO LUBRICATED MISC	51
abacavir sulfate-lamivudine	30	acyclovir CAPS	AIRDUO DIGIHALER 113/14	9
ABELCET	18	acyclovir SUSP	AIRDUO DIGIHALER 232/14	9
abiraterone acetate 250 MG	25	acyclovir TABS OR	AIRDUO DIGIHALER 55/14	9
abiraterone acetate 500 MG	25	acyclovir topical CREA	AIRSUPRA	10
ABRYSVO	66	acyclovir topical OINT	AKYNZEO	17
acamprosate calcium	62	ADACEL SUSP	albendazole	7
acarbose	15	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	albuterol sulfate AERS	10
acebutolol hcl CAPS	32	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.5 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML, 2.5 MG/0.5ML	10
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene CREA	albuterol sulfate SYRP	10
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	adapalene GEL	albuterol sulfate TABS	10
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	alclometasone dipropionate CREA	40
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADCETRIS	alclometasone dipropionate OINT	40
acetaminophen-caff-dihydrocod		adefovir dipivoxil	ALDURAZYME	45
CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADEMPAS	ALECENSA	26
acetazolamide CP12	44	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	44
acetazolamide sodium	44	ADVATE	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	44
acetazolamide TABS 125 MG	44	ADYNOVATE	alfuzosin hcl	48
acetazolamide TABS 250 MG	44	AFLURIA 2024-2025 SUSP	ALINIA SUSR	21
acetic acid (otic)	60	AFLURIA 2024-2025 SUSY	aliskiren fumarate	21
acetic acid 0.25 %	48	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	allopurinol 100 MG, 300 MG	48
acetylcysteine SOLN	37	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	almotriptan malate 12.5 MG	54
acitretin 10 MG, 17.5 MG	39	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	almotriptan malate 6.25 MG	54
acitretin 25 MG	39	AFSTYLA	ALOCRIIL	60
ACTHAR GEL	45		alogliptin benzoate	16
ACTHIB SOLR IM	66		alogliptin-metformin hcl	15
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	27			

alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG 15	aminophylline SOLN 10	1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG 1
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG 15	amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML ... 9	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG 1
ALOMIDE 60	amiodarone hcl TABS 9	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG 1
alosetron hcl 47	amlodipine besylate TABS 32	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG 1
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG 8	amlodipine besylate-atorvastatin calcium 33	
alprazolam TABS 2 MG 8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20	
alprazolam TB24 8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil 20	
alprazolam TBDP 8	amlodipine besylate-valsartan 20	
ALPROLIX 48	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide 20	
ALREX SUSP (loteprednol etabonate) 60	amoxapine 14	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG 1
ALTABAX 38	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 61	amphotericin b IV 18
ALTUVIIIO 48	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 61	amphotericin b liposome 18
ALUNBRIG TABS 26	amoxicillin & pot clavulanate TABS 61	ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM 61
ALUNBRIG TBPk 26		ampicillin CAPS 500 MG 61
ALVESCO 9		ampicillin sodium IJ 1 GM 61
alvimopan 47		anagrelide hcl 49
amantadine hcl CAPS 28	amoxicillin & pot clavulanate TB12 61	anastrozole 25
amantadine hcl SOLN 28	amoxicillin CAPS 61	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR 7
amantadine hcl TABS 28	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 61	ANGELIQ 46
ambrisentan 33	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML ... 61	ANNOVERA 35
amcinonide CREA 40	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML 61	ANORO ELLIPTA 10
amcinonide LOTN 40	amoxicillin TABS 61	ANZEMET TABS 50 MG 17
amcinonide OINT 40	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK 65	APIDRA SOLN 16
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML 2	amphetamine sulfate TABS 1	APIDRA SOLOSTAR SOPN 16
amiloride & hydrochlorothiazide ... 44		
amiloride hcl TABS 44		
aminocaproic acid TABS 50		

apomorphine hydrochloride SOCT 28	aspirin TBEC 325 MG5	azacitidine SUSR 24
apraclonidine hcl 59	aspirin TBEC 81 MG 5	AZASITE 59
aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG . 18	aspirin-dipyridamole49	AZATHIOPRINE56
aprepitant CAPS 80 MG 18	atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG30	azathioprine TABS56
aprepitant CAPS 18	atazanavir sulfate CAPS 200 MG .30	azelaic acid GEL42
aprepitant MISC18	atenolol & chlorthalidone20	azelastine hcl (ophth) 60
APTIOM 11	atenolol TABS32	azelastine hcl58
APTIVUS CAPS30	ATGAM56	AZELEX 37
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML49	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG1	azithromycin PACK 51
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML49	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG1	azithromycin SOLR 51
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...49	atorvastatin calcium TABS19	azithromycin SUSR51
ARCALYST3	atovaquone21	azithromycin TABS 250 MG 51
AREXVY66	atovaquone-proguanil hcl22	azithromycin TABS 500 MG 51
arformoterol tartrate 10	atracurium besylate 100 MG/10ML 59	azithromycin TABS 600 MG 51
ARIKAYCE2	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML 65	aztreonam 1 GM22
aripiprazole SOLN OR30	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML65	bacitracin (ophthalmic)59
aripiprazole TABS30	ATROVENT HFA9	bacitracin21
armodafinil1	AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPK62	baclofen TABS58
ARMOUR THYROID TABS64	AUSTEDO TABS62	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron) 35
ARNUITY ELLIPTA9	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK62	balsalazide disodium CAPS 47
arsenic trioxide 10 MG/10ML27	AUSTEDO XR TB2462	BALVERSA26
ARZERRA24	avanafil 33	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11
ascorbic acid SOLN IJ 70	AVONEX PEN AJKT62	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11
asenapine maleate 2.5 MG29	AVONEX PSKT62	BARACLUDE SOLN31
asenapine maleate 5 MG, 10 MG . 29	AYVAKIT 25	BASAGLAR KWIKPEN SOPN16
aspirin CHEW 5		BAXDELA SOLR47
aspirin TABS 325 MG5		BAXDELA TABS47
		BELSOMRA50

benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...20	augmented CREA40	bosentan TABS 125 MG33
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG .. 20	betamethasone dipropionate augmented LOTN40	bosentan TABS 62.5 MG33
benazepril hcl20	betamethasone dipropionate augmented OINT40	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG 26
bendamustine hcl SOLR23	betamethasone valerate CREA ...40	BOSULIF TABS 400 MG 26
BENEFIX KIT48	betamethasone valerate FOAM ...40	BRAFTOVI 75 MG26
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 37	betamethasone valerate LOTN ...40	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)10
BENZEPRO FOAM 5.3 %37	betamethasone valerate OINT40	BREO ELLIPTA 10
benzonatate 100 MG37	BETASERON KIT62	BREZTRI AEROSPHERE10
benzonatate 150 MG37	betaxolol hcl (ophth) SOLN59	BRILINTA49
benzonatate 200 MG37	betaxolol hcl32	brimonidine tartrate (topical)42
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %37	bethanechol chloride 25 MG66	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % 59
benzoyl peroxide GEL 10 %37	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG66	brimonidine tartrate-timolol maleate . 59
benzoyl peroxide GEL 5 %37	bexarotene (topical)39	brinzolamide60
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %37	bexarotene27	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML .. 11
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 37	BEXSERO66	BRIVIACT TABS11
benztropine mesylate SOLN28	bicalutamide25	bromfenac sodium (ophth)60
benztropine mesylate TABS28	BIJUVA46	bromocriptine mesylate CAPS28
bepotastine besilate60	BIKTARVY30	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG28
BESIVANCE59	bimatoprost SOLN60	BRUKINSA26
betaine45	bisacodyl SUPP51	budesonide (inhalation) SUSP9
betamethasone dipropionate (topical) CREA40	bisacodyl TBEC51	budesonide (intrarectal)7
betamethasone dipropionate (topical) LOTN40	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..20	budesonide (nasal)58
betamethasone dipropionate (topical) OINT40	bisoprolol fumarate32	budesonide CPEP36
betamethasone dipropionate	bleomycin sulfate 15 UNIT25	budesonide-formoterol fumarate dihydrate10
	BOOSTRIX SUSP64	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...44
	BOOSTRIX SUSY64	bumetanide TABS44
	bortezomib SOLR IJ26	buprenorphine hcl SOLN7
	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..26	

buprenorphine hcl SUBL	7	butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5	captopril 12.5 MG	20
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7	butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	20
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7	butenafine hcl	38	carbamazepine CHEW 100 MG ...	11
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7	butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	carbamazepine CP12 100 MG	11
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7	butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7	carbamazepine CP12 200 MG	11
buprenorphine PTWK	7	cabergoline	46	carbamazepine CP12 300 MG	11
bupropion hcl (smoking deterrent) 63		CABLIVI	49	carbamazepine SUSP	11
bupropion hcl TABS	13	CABOMETYX TABS	26	carbamazepine TABS	12
bupropion hcl TB12 100 MG	13	calcipotriene CREA	39	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12
bupropion hcl TB12 150 MG	13	calcipotriene OINT	39	carbamazepine TB12 200 MG	12
bupropion hcl TB12 200 MG	13	calcipotriene SOLN	39	carbidopa	28
bupropion hcl TB24 150 MG	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	40	carbidopa-levodopa TABS	28
bupropion hcl TB24 300 MG	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	41	carbidopa-levodopa TBCR	28
buspirone hcl 5 MG	8	calcitonin (salmon) NA	44	carbidopa-levodopa TBDP	28
buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG	8	calcitriol (topical)	39	carbidopa-levodopa-entacapone .	28
busulfan SOLN	23	calcitriol CAPS	45	carbinoxamine maleate SOLN	18
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	5	calcitriol SOLN IV	45	carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	18
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS	47	carboplatin SOLN 50 MG/5ML	23
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) TABs	48	carisoprodol TABS	58
butalbital-acetaminophen-caffeine TABs 40 MG-50 MG-325 MG	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	55	carmustine	23
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	calcium polycarbophil TABS	50	carteolol hcl (ophth)	59
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	CALQUENCE	26	carvedilol	32
		candesartan cilexetil	20	carvedilol phosphate	32
		candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide	20	caspofungin acetate	18
		capecitabine	24	CAYA DPRH	51
		CAPRELSA	26	CAYSTON	22
				cefaclor CAPS	34
				cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	34

cefadroxil CAPS	34	CHEMET	17	ciclopirox olamine CREA	38
cefadroxil SUSR	34	CHEMSTRIP-K STRP	43	ciclopirox olamine SUSP	38
cefadroxil TABS	34	chloramphenicol sodium succinate		ciclopirox SHAM	38
cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10		22		ciclopirox SOLN	38
GM, 500 MG	34	chlordiazepoxide hcl CAPS	8	cidofovir	31
cefdinir CAPS	34	chlordiazepoxide hcl-clidinium		cilostazol	49
cefdinir SUSR	34	bromide	65	CIMDUO	30
cefepime hcl SOLR IV 2 GM	34	chlordiazepoxide-amitriptyline	62	cimetidine TABS	65
cefixime CAPS	34	chlorhexidine gluconate (mouth-		cinacalcet hcl	45
cefixime SUSR	34	throat)	57	CIPRO SUSR	47
cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	34	chloroquine phosphate TABS 250		ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	59
MG	34	MG	22	ciprofloxacin hcl (otic)	60
cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	34	chloroquine phosphate TABS 500		ciprofloxacin hcl TABS	47
MG	34	MG	22	ciprofloxacin in d5w 5 %-200	
cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	34	chlorpromazine hcl SOLN	29	MG/100ML	47
cefpodoxime proxetil SUSR	34	chlorpromazine hcl TABS	29	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML,	
cefpodoxime proxetil TABS	34	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	44	500 MG/5ML	47
cefprozil SUSR	34	chlorzoxazone TABS 500 MG	58	ciprofloxacin-dexamethasone	60
cefprozil TABS	34	chlorzoxazone TABS 750 MG	58	ciprofloxacin-fluocinolone acetone	
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	34	CHOLBAM	47	61	
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM,		cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25		cisplatin SOLN 100 MG/100ML	23
500 MG	34	MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT,		citalopram hydrobromide SOLN ...	13
ceftriaxone sodium IJ 250 MG	34	2000 UNIT, 50000 UNIT	70	citalopram hydrobromide TABS 10	
cefuroxime axetil TABS	34	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400		MG	13
cefuroxime sodium IJ 750 MG	34	UNIT	70	citalopram hydrobromide TABS 20	
celecoxib	4	cholestyramine light PACK	19	MG	13
CELONTIN (methsuximide)	13	cholestyramine light POWD	19	citalopram hydrobromide TABS 40	
cephalexin CAPS	34	cholestyramine PACK	19	MG	13
cephalexin SUSR	34	cholestyramine POWD	19	clarithromycin SUSR	51
CERDELGA	49	choline fenofibrate	19	clarithromycin TABS	51
CEREZYME 400 UNIT	49	CHORIONIC GONADOTROPIN IM		clarithromycin TB24	51
cetirizine hcl TABS	18	45		CLASSIC PRENATAL TABS	57
cevimeline hcl	57	ciclopirox GEL	38		

clemastine fumarate SYRP	18	clobetasol propionate CREA 0.05 % .	29	clozapine TBDP 25 MG	29
clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	18	41		COARTEM	22
CLIMARA PRO	46	clobetasol propionate emollient base		codeine sulfate TABS 30 MG	5
clindamycin hcl	22	0.05 %	41	CODEINE SULFATE TABS	5
clindamycin palmitate hydrochloride .	22	clobetasol propionate FOAM	41	colchicine TABS	48
clindamycin phosphate (topical)		clobetasol propionate GEL 0.05 %	41	colchicine w/ probenecid	48
FOAM	37	clobetasol propionate OINT 0.05 %	41	colesevelam hcl PACK	19
clindamycin phosphate (topical) GEL	37	clobetasol propionate SOLN 0.05 % .	41	colesevelam hcl TABS	19
clindamycin phosphate (topical)		41		colestipol hcl GRAN	19
LOTN	37	clocortolone pivalate	41	colestipol hcl PACK	19
clindamycin phosphate (topical)		clofarabine	24	colestipol hcl TABS	19
SOLN	37	clomiphene citrate TABS	45	COMBIPATCH PTTW	46
clindamycin phosphate (topical)		clomipramine hcl	14	COMETRIQ KIT	26
SWAB	37	clonazepam TABS	11	COMIRNATY 2023-24 SUSP	66
clindamycin phosphate (topical)		clonidine hcl (adhd) TB12	1	COMIRNATY 2023-24 SUSY	66
clindamycin phosphate SOLN IJ 9		clonidine hcl TABS	20	COMIRNATY 2024-25 SUSY	66
GM/60ML, 300 MG/2ML, 600		clonidine PTWK	20	COMIRNATY SUSP	66
MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000		clopidogrel bisulfate 300 MG	49	COMPLERA	30
MG/60ML	22	clopidogrel bisulfate 75 MG	49	CONTRACE	1
clindamycin phosphate vaginal CREA		clorazepate dipotassium TABS	8	COPIKTRA	26
.....	69	clotrimazole (topical) CREA	38	CORDRAN TAPE	41
clindamycin phosphate-benzoyl		clotrimazole (topical) SOLN	38	CORLANOR SOLN	34
peroxide (refrigerate)	37	clotrimazole	57	CORLANOR TABS (ivabradine hcl)	34
clindamycin phosphate-benzoyl		clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	69	CORTISPORIN-TC	61
peroxide GEL 5 %-1 %	37	clotrimazole w/ betamethasone		COSENTYX SENSOREADY PEN	
clindamycin phosphate-tretinoin ..	37	CREA	38	SOAJ	39
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	59	clotrimazole w/ betamethasone		COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	39
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	59	LOTN	38	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	39
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	59	clozapine TABS	29	COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	39
clobazam SUSP	11	clozapine TBDP 100 MG	29		
clobazam TABS	11	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG			

CREON CPEP	43	FOR PSORIASIS/UEITIS AJKT ...	3	deflazacort SUSP	36
CRESEMBA CAPS 186 MG	18	cyproheptadine hcl SYRP	19	deflazacort TABS	36
cromolyn sodium (ophth)	60	cyproheptadine hcl TABS	19	DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate)	46
cromolyn sodium NEBU	9	CYTAGON CAPS	48	DELSTRIGO	30
crotamiton LOTN	43	CYSTARAN	60	demeclocycline hcl TABS	64
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	57	cytarabine SOLN	24	DEPO-ESTRADIOL	46
cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	49	dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11		DEPO-MEDROL SUSP	36
cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	58	dacarbazine SOLR 200 MG	27	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	36
cyclophosphamide CAPS	23	dactinomycin	25	desipramine hcl TABS	14
cyclophosphamide SOLR IJ	23	dalfampridine	62	desloratadine TABS	18
cycloserine	23	danazol CAPS	7	desloratadine TBDP 2.5 MG	18
cyclosporine (ophth) EMUL	59	dantrolene sodium CAPS	58	desmopressin acetate SOLN IJ ...	46
cyclosporine CAPS	56	dapagliflozin propanediol	16	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	46
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	56	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG	15	desmopressin acetate spray	46
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	56	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG	15	desmopressin acetate spray refrigerated	46
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	56	dapsone	22	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 46	
CYLTEZO AJKT	3	DAPTACEL	64	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 46	
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	3	daptomycin 500 MG	22	desogestrel & ethinyl estradiol	35
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	3	darifenacin hydrobromide	66	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	3	darunavir TABS	30	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	35
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	3	dasatinib	26	desonide CREA	41
CYLTEZO STARTER PACKAGE		DAURISMO	25	desonide LOTN	41
		DEBACTEROL	57	desonide OINT	41
		decitabine	24	desoximetasone CREA 0.25 %	41
		deferasirox PACK	17	desoximetasone GEL	41
		deferasirox TABS	17		
		deferasirox TBSO	17		
		deferiprone TABS 500 MG	17		

desoximetasone OINT 0.25 %41	DIACOMIT CAPS 500 MG12	0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG33
desvenlafaxine succinate 100 MG .14	DIACOMIT PACK 250 MG12	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML54
desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG14	DIACOMIT PACK 500 MG12	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML54
dexamethasone ELIX36	diazepam (anticonvulsant) GEL ...11	DILANTIN (phenytoin sodium extended)12
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC36	diazepam CONC8	DILANTIN12
dexamethasone sodium phosphate (ophth)60	diazepam SOLN OR 5 MG/5ML8	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)13
dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML36	diazepam TABS8	DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .13
dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML36	diazoxide16	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG32
dexamethasone SOLN36	dichlorphenamide44	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG32
dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG36	diclofenac epolamine PTCH EX ...39	diltiazem hcl CP1232
dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG36	diclofenac potassium TABS 50 MG .4	diltiazem hcl CP2432
dexchlorpheniramine maleate SOLN .18	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX39	diltiazem hcl extended release beads32
dexlansoprazole65	diclofenac sodium (ophth)60	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..32
dexmethylphenidate hcl CP242	diclofenac sodium (topical) GEL EX 39	DILTIAZEM HCL SOLR33
dexmethylphenidate hcl TABS2	diclofenac sodium TB244	diltiazem hcl TABS33
dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG1	diclofenac sodium TBEC4	diltiazem hcl TB2433
dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG1	diclofenac w/ misoprostol TBEC4	dimethyl fumarate CDPK63
dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG .1	dicloxacillin sodium61	dimethyl fumarate CPDR63
dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG1	dicyclomine hcl CAPS65	DIPENTUM47
dextrose in lactated ringers55	dicyclomine hcl SOLN OR65	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18
DIACOMIT CAPS 250 MG12	dicyclomine hcl TABS65	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML18
	DIFFERIN LOTN37	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML18
	DIFICID TABS51	
	diflorasone diacetate CREA41	
	diflorasone diacetate OINT41	
	diflunisal TABS5	
	difluprednate60	
	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML33	
	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG,	

diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	18	doxepin hcl (sleep)	50 42		
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	17	doxepin hcl CAPS	14	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	42
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17	doxepin hcl CONC	14	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	42
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ..	64	doxercalciferol CAPS	45	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	42
dipyridamole	49	doxercalciferol SOLN	45	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	42
disopyramide phosphate CAPS	8	doxorubicin hcl liposomal SUSP ..	25	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	51
disulfiram	62	doxorubicin hcl SOLN	25	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	51
DIURIL SUSP	44	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	25	DUREX TROPICAL MISC	51
divalproex sodium TB24	13	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	64	dutasteride	48
divalproex sodium TBEC	13	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	64	dutasteride-tamsulosin hcl	48
docetaxel CONC 20 MG/ML	28	doxycycline (monohydrate) CAPS 100 MG	64	econazole nitrate CREA	38
docetaxel SOLN 20 MG/2ML	28	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	64	EDARBI	20
docusate calcium	51	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	64	EDURANT	30
docusate sodium CAPS 100 MG ..	51	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	64	efavirenz CAPS 200 MG	30
docusate sodium CAPS 250 MG ..	51	doxycycline hyclate CAPS	64	efavirenz CAPS 50 MG	30
dofetilide	9	doxycycline hyclate SOLR	64	efavirenz TABS	30
donepezil hydrochloride TABS 10 MG	62	doxycycline hyclate SOLR	64	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	30
donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG	62	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	64	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	30
donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	62	doxylamine-pyridoxine TBEC	17	EGRIFTA 2 MG	45
donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 62		dronabinol CAPS	17	EGRIFTA SV	45
DOPTELET	49	drospirenone-ethinyl estradiol	35	ELAPRASE	45
dorzolamide hcl	60	drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium	35	electrolyte-148	55
dorzolamide hcl-timolol maleate ..	59	DROXIA CAPS	49	electrolyte-a	55
DOVATO	30	DUAVEE	46	ELESTRIN GEL	46
doxazosin mesylate	20	DULERA	10	eletriptan hydrobromide	54
doxepin hcl (antipruritic)	39	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	14	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	25
		duloxetine hcl CPEP 40 MG	14		
		DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML			

ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25	ENBREL SURECLICK SOAJ	4	EQUETRO 300 MG	29
ELIQUIS STARTER PACK TBPk .	10	ENERGIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	66	ERAXIS	18
ELIQUIS TABS	10	ENERGIX-B SUSY	66	ERBITUX	24
ELLA	35	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	10	ergocalciferol CAPS	70
ELMIRON CAPS	48	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11	ergocalciferol SOLN OR	70
ELOCTATE	48	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	10	ergoloid mesylates TABS	63
EMCYT	25	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	10	ERGOMAR SUBL	54
EMFLAZA SUSP (deflazacort)	36	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	10	ergotamine w/ caffeine TABS	54
EMFLAZA TABS (deflazacort)	36	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	10	eribulin mesylate	28
EMGALITY SOAJ	54	ENSPRYNG	56	ERIVEDGE	25
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	54	entacapone	28	ERLEADA 240 MG	25
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	54	entecavir TABS	31	ERLEADA 60 MG	25
EMSAM	13	EPIDIOLEX	12	erlotinib hcl	24
emtricitabine CAPS	30	epinastine hcl (ophth)	60	ERTACZO	38
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	30	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	69	ertapenem sodium IJ	21
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	30	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	69	erythromycin (acne aid) PADS	38
EMTRIVA SOLN	30	EPIVIR HBV SOLN	31	erythromycin (acne aid) SOLN	38
EMVERM CHEW	8	eplerenone	21	erythromycin (ophth)	59
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20		EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	49	erythromycin base CPEP	51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20		epoprosthenol sodium	33	erythromycin base TABS	51
enalapril maleate TABS	20	EQL PRENATAL FORMULA TABS 57		erythromycin base TBEC	51
ENBREL MINI SOCT	4	EQUETRO 100 MG	29	erythromycin ethylsuccinate SUSR 51	
ENBREL SOLN	4	EQUETRO 200 MG	29	erythromycin ethylsuccinate TABS 51	
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4			escitalopram oxalate SOLN	13
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4			escitalopram oxalate TABS 10 MG 13	
				escitalopram oxalate TABS 20 MG 13	
				escitalopram oxalate TABS 5 MG .	13
				esomeprazole magnesium CPDR 20	

MG	65	etoposide CAPS	28	FARXIGA	16
esomeprazole magnesium CPDR 40		etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100		FASENRA PEN SOAJ	9
MG	65	MG/5ML, 500 MG/25ML	28	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9
esomeprazole magnesium TBEC ..	65	etravirine 100 MG	30	FC2 FEMALE CONDOM	52
ESPEROCT	48	etravirine 200 MG	30	febuxostat	48
estazolam	50	EUCRISA	42	felbamate SUSP	12
esterified estrogens &		EVAMIST SOLN	46	felbamate TABS 400 MG	12
methyltestosterone	46	everolimus (immunosuppressant)		felbamate TABS 600 MG	12
estradiol & norethindrone acetate		0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	56	felodipine	33
TABS	46	everolimus (immunosuppressant) 1		FEMCAP DEVI	52
estradiol GEL 0.06 %	46	MG	56	FEMLYV TBDP	35
estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5		everolimus TABS	26	FEMRING	69
MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1		EVOTAZ	30	fenofibrate micronized 43 MG, 67	
MG/GM, 1.25 MG/1.25GM	46	exemestane	25	MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...	19
estradiol PTTW	46	ezetimibe	19	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
estradiol PTWK	46	ezetimibe-simvastatin	19	MG, 160 MG	19
estradiol TABS	46	famciclovir 125 MG, 250 MG	31	fenoprofen calcium TABS	4
estradiol vaginal CREA	69	famciclovir 500 MG	31	FENSOLVI SC	45
estradiol vaginal TABS	69	famotidine in nacl SOLN	65	fentanyl citrate LPOP	5
estradiol valerate	46	famotidine SOLN 20 MG/2ML	65	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25	
ESTRING RING	69	famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200		MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR,	
ESTROGEL GEL (estradiol)	46	MG/20ML	65	100 MCG/HR	5
eszopiclone	50	famotidine SUSR	65	ferrous fumarate-folic acid	50
ethacrynic acid	44	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	65	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	50
ethambutol hcl TABS	23	FANAPT	29	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	
ethosuximide CAPS	13	FANAPT TITRATION PACK	29		50
ethosuximide SOLN	13	FANTASY LUBRICATED MISC ...	51	ferrous sulfate TBEC 325 MG	50
ethynodiol diacet & eth estrad	35	FANTASY		fesoterodine fumarate	66
etodolac CAPS	4	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC		FETZIMA CP24	14
etodolac TABS	4	51		FETZIMA TITRATION PACK C4PK	
etonogestrel-ethinyl estradiol	35	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	14		
ETOPOPHOS	28		16	finasteride	48

fingolimod hcl63	flucytosine 18	fluoxetine hcl CAPS 20 MG14
FIRDAPSE 23	fludarabine phosphate SOLN24	fluoxetine hcl CAPS 40 MG13
FIRMAGON 25	fludarabine phosphate SOLR24	fluoxetine hcl CPDR14
flavoxate hcl66	fludrocortisone acetate TABS37	fluoxetine hcl SOLN14
flecainide acetate9	FLULAVAL 2024-2025 SUSY 67	fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14
floxuridine 24	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY67	fluoxetine hcl TABS 20 MG 14
FLUAD 2024-2025 66	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY67	fluphenazine hcl CONC29
FLUAD QUADRIVALENT 2022-202367	FLUMIST NASAL VACCINE 2024- 2025 67	fluphenazine hcl ELIX30
FLUAD QUADRIVALENT 2023-202467	FLUMIST QUADRIVALENT67	fluphenazine hcl SOLN 30
FLUARIX 2024-2025 SUSY 67	flunisolide (nasal) 0.025 %58	fluphenazine hcl TABS30
FLUARIX QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY67	fluocinolone acetonide (otic) 61	flurandrenolide CREA41
FLUARIX QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY 67	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 41	flurandrenolide LOTN41
FLUBLOK 2024-2025 SOSY 67	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %41	flurazepam hcl50
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022- 202367	fluocinolone acetonide OIL 41	flurbiprofen sodium60
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023- 202467	fluocinolone acetonide OINT41	flurbiprofen TABS 4
FLUCELVAX 2024-2025 SUSP ... 67	fluocinolone acetonide SOLN41	flutamide25
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY ... 67	fluocinonide CREA 0.05 %41	fluticasone furoate-vilanterol 10
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP67	fluocinonide CREA 0.1 %41	fluticasone propionate (inhalation) AEPB9
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY 67	fluocinonide emulsified base41	fluticasone propionate (nasal) SUSP . 58
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP 67	fluocinonide GEL41	fluticasone propionate CREA 0.05 % 41
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY 67	fluocinonide OINT41	fluticasone propionate hfa9
fluconazole SUSR18	fluocinonide SOLN41	fluticasone propionate LOTN 41
fluconazole TABS18	fluorometholone (ophth) SUSP60	fluticasone propionate OINT41
	fluorouracil (topical) CREA 5 % ...39	fluticasone-salmeterol AEPB 10
	fluorouracil (topical) SOLN39	fluticasone-salmeterol AERO10
	fluorouracil 500 MG/10ML 24	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...19
	fluoxetine hcl CAPS 10 MG14	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19

fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 14	FORTEO SOPN (teriparatide) 44	fulvestrant SOSY 25
fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG 14	FOSAMAX PLUS D 44	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML 44
FLUZONE 2024-2025 SUSP 67	fosamprenavir calcium TABS 30	furosemide TABS 44
FLUZONE 2024-2025 SUSY 67	fosfomycin tromethamine 22	FUZEON SOLR 30
FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY 67	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide 20	FYCOMPA TABS 2 MG 11
FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY 67	fosinopril sodium 20	FYCOMPA TABS 4 MG 11
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023 67	fosphenytoin sodium 13	FYCOMPA TABS 6 MG 11
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024 67	FRAGMIN SOSY 11	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG 11
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP 67	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM 53	gabapentin CAPS 12
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY 68	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM 53	gabapentin SOLN 12
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP 68	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM 53	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY 68	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM 53	GALAFOLD 45
FML FORTE SUSP 60	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM 53	galantamine hydrobromide CP24 . 62
FML OINT 60	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM 53	galantamine hydrobromide SOLN . 62
folic acid TABS 49	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM 53	galantamine hydrobromide TABS . 62
fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM 53	GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML 61
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM 53	GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML 61
fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML . 11	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM 53	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR 61
fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11	FREESTYLE LIBRE 3/READER/FLASH MONITORING SYSTEM 53	GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML 61
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS 43	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM 53	GAMUNEX-C 61
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT .. 43	FREESTYLE LIBRE 3/READER/FLASH MONITORING SYSTEM 53	ganciclovir sodium SOLR 31
formoterol fumarate NEBU 10	frovatriptan succinate 54	ganirelix acetate 45

gatifloxacin (ophth)	59	glucagon (rdna)	16	halobetasol propionate OINT	41
gefitinib	24	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	17	HALOG OINT	41
gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	24	glyburide TABS	17	haloperidol decanoate	29
gemfibrozil TABS	19	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	15	haloperidol lactate CONC	29
GENOTROPIN CART SC	45	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	15	haloperidol lactate SOLN	29
gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	48	haloperidol TABS	29
gentamicin sulfate (ophth) OINT ...	59	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML	65	HAVRIX	68
gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	59	glycopyrrolate TABS 1 MG	65	HEALON PRO SOSY	60
gentamicin sulfate (topical) CREA .	38	glycopyrrolate TABS 2 MG	65	HEMANGEOL SOLN OR	32
gentamicin sulfate (topical) OINT ..	38	GLYXAMBI	15	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11
gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2	GNP PRENATAL TABS	57	HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11	
GENVOYA	30	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	43	HEPLISAV-B SOSY	68
GILOTRIF	24	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17	HIBERIX SOLR IJ	66
glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 63		granisetron hcl TABS	17	HUMATROPE CART IJ	45
glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 63		GRASTEK SUBL	2	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	3
GLEOSTINE 10 MG	23	griseofulvin microsize SUSP	18	HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML .	3
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	23	griseofulvin microsize TABS	18	HUMIRA PEN AJKT	3
glimepiride 1 MG, 2 MG	16	griseofulvin ultramicrosize	18	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT	3
glimepiride 4 MG	17	guanfacine hcl (adhd)	1	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT	3
glipizide TABS 5 MG, 10 MG	17	guanfacine hcl	20	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT	3
glipizide TB24	17	GYNAZOLE-1	69	HUMIRA PSKT	3
glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	15	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	3	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	16
glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	15	HADLIMA SOSY	3	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	16
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	43	HAEGARDA SOLR SC	49		
		HALAVEN (eribulin mesylate)	28		
		halcinonide CREA	41		
		halobetasol propionate CREA	41		

HYCANTIN CAPS28	hydrocortisone butyrate CREA 41	ibandronate sodium TABS44
hydralazine hcl SOLN21	hydrocortisone butyrate OINT 41	IBRANCE CAPS26
hydralazine hcl TABS21	hydrocortisone butyrate SOLN 41	IBRANCE TABS 26
hydrochlorothiazide CAPS44	hydrocortisone sod succinate 100 MG36	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML 4
hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 44	hydrocortisone TABS 36	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..4
hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG 44	hydrocortisone vaginal 69	ibuprofen TABS 800 MG4
hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .37	hydrocortisone valerate CREA41	icatibant acetate SOLN 49
hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML 6	hydrocortisone valerate OINT 41	icatibant acetate SOSY49
hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML 6	hydrocortisone w/acetic acid61	ICLUSIG26
hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG6	hydromorphone hcl LIQD 5	icosapent ethyl 1 GM 19
hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG6	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5	idarubicin hcl 20 MG/20ML 26
hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG7	hydromorphone hcl TABS5	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML 26
hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG7	hydromorphone hcl TB24 32 MG ... 5	IDELVION48
hydrocortisone (intrarectal)7	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG5	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML 23
hydrocortisone (rectal) EX7	hydroxychloroquine sulfate 100 MG 23	ifosfamide SOLR23
hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %41	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22	imatinib mesylate26
hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 41	hydroxychloroquine sulfate 400 MG 23	IMBRUVICA CAPS 140 MG26
hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %41	hydroxyurea27	IMBRUVICA CAPS 70 MG 26
hydrocortisone acetate (rectal)7	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..8	IMBRUVICA SUSP 26
	hydroxyzine hcl SYRP8	IMBRUVICA TABS26
	hydroxyzine hcl TABS8	imipenem-cilastatin IV 21
	hydroxyzine pamoate CAPS8	imipramine hcl TABS14
	HYPERSAL NEBU37	imipramine pamoate14
	HYQVIA 61	imiquimod 5 % 42
	ibandronate sodium SOLN44	IMPAVIDO21
		INCRELEX 45
		INCRUSE ELLIPTA9
		indapamide TABS 1.25 MG44
		indapamide TABS 2.5 MG44

indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	4	ipratropium-albuterol SOLN	10	JANSSEN COVID-19 VACCINE	68
indomethacin CPCP	4	irbesartan	20	JANUMET TABS	15
INFANRIX	64	irbesartan-hydrochlorothiazide	20	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	15
INFLECTRA SOLR	47	IRESSA (gefitinib)	24	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	15
INGREZZA CAPS	62	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	28	JANUVIA	16
INGREZZA CPPK	62	irrigation solutions, physiological	56	JARDIANCE	16
INGREZZA CPSP	62	ISENTRESS CHEW	30	JEVTANA	28
INLYTA	24	ISENTRESS HD TABS	30	JIVI	48
INREBIC	26	ISENTRESS TABS	30	JULUCA	30
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	16	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	55	JYNARQUE TBPB	46
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	16	ISOLYTE-S	55	KALYDECO TABS	63
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	16	isoniazid SOLN	23	KAMELEON LUBRICATED MISC	52
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	16	isoniazid SYRP	23	KANJINTI	24
INSULIN ASPART SOLN IJ	16	isoniazid TABS	23	KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	55
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	16	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	8	KEPIVANCE 6.25 MG	27
INSULIN DEGLUDEC SOLN	16	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	33	KESIMPTA	63
INTELENCE 25 MG	30	isosorbide mononitrate TABS	8	ketoconazole (topical) CREA	38
INTRAROSA	69	isosorbide mononitrate TB24	8	ketoconazole (topical) SHAM 2 %	38
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	55	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	38	ketoconazole	18
IOPIDINE	59	isradipine CAPS	33	KETONE STRP	43
IPOLE INACTIVATED IPV	68	itraconazole CAPS	18	KETONE TEST STRIPS STRP	43
ipratropium bromide (nasal) 0.03 %	58	itraconazole SOLN	18	ketoprofen CAPS 50 MG	4
ipratropium bromide (nasal) 0.06 %	58	ivabradine hcl TABS	34	ketorolac tromethamine (ophth)	60
ipratropium bromide SOLN 0.02 %	9	ivermectin (pediculicide)	43	ketorolac tromethamine TABS	4
		ivermectin	8	KETOSTIX STRP	43
		IXEMPRA KIT 15 MG	28	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	60
		JAKAFI	26	KEVZARA SOAJ	3

KEVZARA SOSY4	KRINTAFEL23	MCG, 250 MCG (digoxin)33
KIMONO COLORS DEVI52	K-Y ME & YOU EXTRA	lansoprazole CPDR 15 MG65
KIMONO LUBRICATED MISC52	LUBRICATED DEVI52	lansoprazole CPDR 30 MG65
KIMONO MAXX/LARGE FLARE	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...52	lanthanum carbonate CHEW48
MISC52	KYLEENA36	lapatinib ditosylate26
KIMONO MICRO THIN PLUS	KYPROLIS26	LASTACFT60
SPERMICIDE LUBRICATED MISC	labetalol hcl SOLN32	latanoprost SOLN60
52	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .	leflunomide4
KIMONO PLUS SPERMICIDE	32	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG,
LUBRICATED MISC52	labetalol hcl TABS 300 MG32	15 MG, 25 MG56
KIMONO PLUS	lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML .	lenalidomide 20 MG56
SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	12	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ...24
52	lacosamide TABS12	LENVIMA 12MG DAILY DOSE ...24
KIMONO PS LUBRICATED MISC .52	lactated ringer's (irrigation)56	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ..24
KIMONO PS PLUS	lactated ringer's55	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ..24
SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	lactic acid (ammonium lactate) CREA	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ...24
52	42	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ...24
KIMONO SENSATION	lactic acid (ammonium lactate) LOTN	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE24
LUBRICATED MISC52	12 %42	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE24
KIMONO SENSATION PLUS	lactulose (encephalopathy)47	letrozole25
SPERMICIDE LUBRICATED MISC	lactulose SOLN51	leucovorin calcium SOLR27
52	lamivudine (hbv) TABS31	leucovorin calcium TABS28
KIMONO SPECIAL DEVI52	lamivudine SOLN30	LEUKERAN23
KINRIX SUSY64	lamivudine TABS 150 MG30	LEUKINE SOLR IJ49
KISQALI26	lamivudine TABS 300 MG30	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML
KISQALI FEMARA 200 DOSE26	lamivudine-zidovudine30	25
KISQALI FEMARA 400 DOSE26	lamotrigine CHEW 25 MG12	levalbuterol hcl10
KISQALI FEMARA 600 DOSE26	lamotrigine CHEW 5 MG12	levalbuterol tartrate10
KLARITY-A59	lamotrigine TABS12	LEVEMIR FLEXPEN SOPN16
KOGENATE FS KIT49	lamotrigine TBDP12	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN16
KOSELUGO26	LANOXIN SOLN IJ (digoxin)33	LEVEMIR SOLN16
KOVALTRY49	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125	
KP PRENATAL MULTIVITAMINS		
TABS57		

levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %51	lopinavir-ritonavir TABS30
levetiracetam TABS 1000 MG 12	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...57	loratadine CAPS 18
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG 12	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...57	loratadine CHEW18
levetiracetam TABS 500 MG 12	lidocaine hcl GEL 2 % 42	loratadine SOLN 18
levetiracetam TB24 12	lidocaine hcl PRSY42	loratadine TABS18
levobunolol hcl 0.5 % 59	lidocaine hcl SOLN42	loratadine TBDP 18
levocetirizine dihydrochloride SOLN 18	lidocaine PTCH 5 %42	lorazepam CONC 8
levocetirizine dihydrochloride TABS 18	lidocaine-prilocaine CREA42	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG 8
levofloxacin (ophth) 0.5 % 59	LILETTA 20.1 MCG/DAY 36	lorazepam TABS 1 MG 8
levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML47	lincomycin hcl 22	LORBRENA 26
levofloxacin SOLN OR47	linezolid SUSR22	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG 21
levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 47	linezolid TABS 22	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20
levofloxacin TABS 500 MG47	LINZESS47	losartan potassium20
levonorgestrel & eth estradiol TABS 35	liothyronine sodium SOLN64	LOTEMAX OINT60
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG 35	liothyronine sodium TABS 64	loteprednol etabonate GEL60
levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)35	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1	loteprednol etabonate SUSP 60
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG 35	lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1	lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ... 19
levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)35	lisinopril & hydrochlorothiazide ...20	lovastatin TABS 40 MG19
levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 35	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG 20	loxapine succinate 29
levorphanol tartrate TABS 2 MG5	lithium29	lubiprostone 47
levothyroxine sodium TABS 64	lithium carbonate CAPS 29	LUCEMYRA (lofexidine hcl)62
LEXIVA SUSP 30	lithium carbonate TABS29	luliconazole38
	lithium carbonate TBCR 29	LUMIZYME45
	LO LOESTRIN FE TABS 35	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM25
	lofexidine hcl62	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM25
	LOKELMA56	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .25
	loperamide hcl CAPS 17	
	lopinavir-ritonavir SOLN 30	

LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM . 25	medroxyprogesterone acetate 10 MG	mesalamine CPDR 47
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 45	62	mesalamine ENEM 47
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG 45	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG 62	mesalamine SUPP 47
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG 45	mefenamic acid CAPS 4	mesalamine TBEC 1.2 GM 47
lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG 29	mefloquine hcl 23	mesalamine TBEC 800 MG 47
lurasidone hcl 80 MG 29	megestrol acetate (appetite) 62	metaxalone 800 MG 58
LYNPARZA TABS 26	megestrol acetate SUSP 25	metformin hcl TABS 1000 MG 15
LYSODREN 25	megestrol acetate TABS 25	metformin hcl TABS 500 MG 15
mafenide acetate PACK 40	MEKINIST SOLR 26	metformin hcl TABS 850 MG 15
magnesium sulfate IJ 50 % 55	MEKINIST TABS 26	metformin hcl TB24 500 MG 16
malathion 43	MEKTOVI 26	metformin hcl TB24 750 MG 15
maraviroc TABS 150 MG 30	meloxicam TABS 4	methadone hcl CONC 5
maraviroc TABS 300 MG 30	melphalan 23	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML . 5
MARPLAN 13	melphalan hcl IV 23	METHADONE HCL SOLN IJ 5
MASONATAL TABS 57	memantine hcl TABS 62	methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML 5
MATULANE 27	MENACTRA 66	methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5
MAXIDEX SUSP OP 60	MENEST 46	methadone hcl TABS 10 MG 5
MAXX LUBRICATED MISC 52	MENOSTAR PTWK 46	methadone hcl TABS 5 MG 5
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 52	MENQUADFI 66	methadone hcl TBSO 5
meclizine hcl TABS 12.5 MG 17	MENVEO SOLN 66	methamphetamine hcl 1
meclizine hcl TABS 25 MG 17	MENVEO SOLR 66	methazolamide TABS 44
meclofenamate sodium CAPS 4	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML 5	methenamine hippurate 22
MEDROL TABS 36	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML 5	methimazole TABS 64
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM 36	meperidine hcl TABS 50 MG 5	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG 58
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM 36	meprobamate 8	METHOTREXATE 3
	mercaptopurine TABS 24	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML 24
	meropenem 21	methotrexate sodium SOLR 24
	mesalamine CP24 47	

methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24	125 MG, 500 MG, 1000 MG 36	midodrine hcl 69
methoxsalen rapid 39	methylprednisolone TABS 36	miglitol 15
methscopolamine bromide 65	methylprednisolone TBPk 36	miglustat 49
methsuximide 13	methyltestosterone TABS 7	minocycline hcl CAPS 64
methylidopa TABS 20	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML 47	minocycline hcl TABS 64
methylphenidate hcl CHEW 10 MG .2	metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML 47	minoxidil 2.5 MG, 10 MG 21
methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG 2	metoclopramide hcl TABS 47	MIRCERA 49
methylphenidate hcl CHEW 5 MG .. 2	metolazone 44	MIRENA 36
methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG 2	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG 21	mirtazapine TABS 15 MG 13
methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG 2	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG 21	mirtazapine TABS 30 MG 13
methylphenidate hcl CP24 30 MG .. 2	metoprolol succinate TB24 200 MG 32	mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG 13
methylphenidate hcl CP24 2		mirtazapine TBPd 15 MG 13
methylphenidate hcl CPCR 2		mirtazapine TBPd 30 MG 13
methylphenidate hcl SOLN 2	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG 32	mirtazapine TBPd 45 MG 13
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG 2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML 32	misoprostol 65
methylphenidate hcl TABS 5 MG ... 2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG 32	mitomycin SOLR IV 20 MG 26
methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG 2	metronidazole (topical) CREA 42	mitoxantrone hcl 2 MG/ML 26
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG 2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 42	M-M-R II SOLR 68
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG 2	metronidazole (topical) GEL 1 % .. 42	M-NATAL PLUS TABS 57
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG 2	metronidazole (topical) LOTN 42	modafinil 100 MG 2
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG 2	metronidazole TABS 21	modafinil 200 MG 2
methylphenidate PTCH 2	metronidazole vaginal 69	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP 68
methylprednisolone acetate SUSP 36	mexiletine hcl 8	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP . 68
methylprednisolone sod succ 40 MG,	micafungin sodium 18	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSP . 68
	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG 69	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6MO-5Y ... 68
		MODERNA COVID-19

VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 . 68	MVASI24	NEBUSAL NEBU 37
MODERNA COVID-19	MYALEPT 45	nefazodone hcl 14
VACCINE6MO-5Y SUSP68	mycophenolate mofetil CAPS56	nelarabine 24
moexipril hcl20	mycophenolate mofetil TABS56	neomycin sulfate TABS 2
mometasone furoate (nasal) SUSP 58	mycophenolate sodium56	neomycin-bacitracin zn-polymyxin 59
mometasone furoate CREA 42	MYLERAN TABS 23	neomycin-polymy-dexameth OINT 60
mometasone furoate OINT 42	nabumetone 4	neomycin-polymy-dexameth SUSP 60
mometasone furoate SOLN42	nadolol TABS 20 MG 32	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...60
montelukast sodium CHEW9	nadolol TABS 40 MG 32	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN . 61
montelukast sodium PACK9	nadolol TABS 80 MG 32	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP . 61
montelukast sodium TABS9	nafcillin sodium IV 10 GM61	NEONATAL COMPLETE TABS 120
morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG5	naftifine hcl CREA 1 %38	MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG57
morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML5	naftifine hcl CREA 2 %39	NEONATAL PLUS TABS57
morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML5	NAGLAZYME45	NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS57
morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML5	nalbuphine hcl 7	NEONATAL VITAMIN TABS57
morphine sulfate TABS6	naloxone hcl LIQD 17	neostigmine methylsulfate SOSY .23
morphine sulfate TBCR 6	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML17	NEO-SYNALAR38
MOTOFEN 17	naltrexone hcl 17	NEUPRO28
MOVANTIK47	naproxen sodium TABS 550 MG ...4	NEVANAC60
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 59	naproxen SUSP4	nevirapine SUSP30
moxifloxacin hcl in sodium chloride 47	naproxen TABS 4	nevirapine TABS31
moxifloxacin hcl TABS47	naproxen TBEC 500 MG4	nevirapine TB24 100 MG31
MOZOBIL (plerixafor)50	naratriptan hcl54	nevirapine TB24 400 MG31
MULPLETA49	NATACYN59	NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)65
MULTI PRENATAL TABS 57	NATAZIA 35	NEXPLANON36
mupirocin OINT38	nateglinide16	
	NAYZILAM 11	
	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 32	
	nebivolol hcl 20 MG32	

NEXTSTELLIS	35	NITRO-BID OINT	8	estradiol-fe	35
niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19	nitrofurantoin	22	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	35
niacin CPCR 250 MG, 500 MG	70	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	22	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	35
niacin TABS	70	nitrofurantoin monohyd macro	22	norgestimate-ethinyl estradiol	35
niacin TBCR	70	nitroglycerin (intra-anal)	7	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	35
NIACIN TR TBCR	70	nitroglycerin CPCR	8	NORMOSOL-M/D5W	55
niacinamide TABS 100 MG	70	nitroglycerin PT24	8	NORMOSOL-R	55
niacinamide TABS 500 MG	70	NITROGLYCERIN SOLN IV	8	nortriptyline hcl CAPS	14
nicardipine hcl CAPS	33	nitroglycerin SUBL	8	nortriptyline hcl SOLN	14
nicardipine hcl SOLN	33	NIVA-PLUS TABS	57	NORVIR CAPS	31
nicotine MISC XX	63	nizatidine CAPS	65	NORVIR PACK	31
nicotine polacrilex GUM	63	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	45	NORVIR SOLN	31
nicotine polacrilex LOZG	63	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	45	NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	43
nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	63	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	68
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	63	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	68
NICOTROL INHALER INHA	63	norethin acet & estrad-fe CHEW ...	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	68
NICOTROL NS SOLN	63	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	35	NOVOEIGHT	49
nifedipine CAPS 10 MG	33	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	35	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN 16	
nifedipine CAPS 20 MG	33	norethindrone & eth estradiol	35	NOVOLIN 70/30 SUSP	16
nifedipine TB24 60 MG	33	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 35		NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16
nifedipine TB24 90 MG	33	norethindrone (contraceptive)	36	NOVOLIN N SUSP	16
nifedipine TB24	33	norethindrone acet & eth estra TABS 35		NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16
nilutamide	25	norethindrone acetate TABS	62	NOVOLIN R SOLN IJ	16
nimodipine CAPS	33	norethindrone acetate-ethinyl estradiol	46	NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18
NINLARO	26	norethindrone acetate-ethinyl		NP THYROID 120 TABS	64
NIPENT	27				
nisoldipine	33				
nitazoxanide TABS	21				
nitisinone CAPS	45				

NP THYROID 15 TABS	64	olanzapine SOLR	29	ondansetron TBDP 8 MG	17
NP THYROID 30 TABS	64	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	29	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	57
NP THYROID 60 TABS	64	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	29	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	57
NP THYROID 90 TABS	64	olanzapine TBDP 20 MG	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	53
NUBEQA	25	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	53
NUCALA SOAJ	9	olmesartan medoxomil	20	OPILL	36
NUCALA SOLR	9	olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	21	OPSUMIT	33
NUCALA SOSY 100 MG/ML	9	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	21	ORENITRAM TBCR	33
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	9	olopatadine hcl (nasal)	58	ORGOVYX	25
NUCYNTA ER TB12	6	olopatadine hcl 0.1 %	60	ORILISSA	45
NUCYNTA TABS	6	olopatadine hcl 0.2 %	60	ORKAMBI PACK	63
NUEDEXTA	63	omega-3-acid ethyl esters	19	ORKAMBI TABS	63
NULOJIX	56	omeprazole CPDR	65	ORLADEYO	49
nystatin (mouth-throat)	57	omeprazole magnesium CPDR ...	65	orphenadrine citrate TB12	58
nystatin (topical) CREA	39	omeprazole TBEC	65	oseltamivir phosphate CAPS	32
nystatin (topical) OINT	39	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	65	oseltamivir phosphate SUSR	32
nystatin (topical) POWD EX	39	OMNIFLEX DIAPHRAGM	52	OSMOPREP	51
nystatin TABS	18	ONCASPAR	27	OSPHENA	45
nystatin-triamcinolone CREA	39	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17		OTEZLA TABS	4
nystatin-triamcinolone OINT	39	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	17	OTEZLA TBPk	4
NYVEPRIA	49	ondansetron hcl SOSY	17	oxacillin sodium IV 10 GM	61
octreotide acetate KIT	46	ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23
octreotide acetate SOLN	46	ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxandrolone	7
ODEFSEY	31	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxaprozin TABS	4
ODOMZO	25	ondansetron TBDP 4 MG	17	oxazepam CAPS	8
OFEV	63			OXBRYTA TABS 500 MG	49
ofloxacin (ophth)	59			oxcarbazepine SUSP	12
ofloxacin (otic)	60				
ofloxacin 300 MG, 400 MG	47				
OGIVRI	24				

oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12	97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	43	51	
oxcarbazepine TABS 600 MG	12	PANRETIN	39	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	51
oxiconazole nitrate CREA	39	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 65		PEGASYS SOLN	31
OXISTAT LOTN	39	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 65		PEGASYS SOSY	31
oxybutynin chloride SOLN	66	PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	35	PEMAZYRE	26
oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	66	paricalcitol CAPS	45	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24	
oxybutynin chloride TB24	66	paricalcitol SOLN	45	penciclovir	40
oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6	paroxetine hcl SUSP	14	penicillamine CAPS	56
oxycodone hcl TABS	6	paroxetine hcl TABS 10 MG	14	penicillamine TABS	56
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7	paroxetine hcl TABS 20 MG	14	penicillin g potassium 5000000 UNIT 61	
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7	paroxetine hcl TABS 30 MG	14	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	61
oxymorphone hcl TABS	6	paroxetine hcl TABS 40 MG	14	PENICILLIN G PROCAINE	61
oxymorphone hcl TB12 40 MG	6	paroxetine hcl TB24 12.5 MG	14	penicillin g sodium	61
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6		paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG	14	penicillin v potassium SOLR	61
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	16	PASER PACK	23	penicillin v potassium TABS	61
OZEMPIC SOPN	16	pazopanib hcl	26	PENTACEL	64
paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	28	PEDIARIX SUSY	64	pentazocine w/ naloxone hcl	7
paclitaxel protein-bound particles ..	28	pediatric multivitamins w/fl CHEW ..	57	pentoxifylline	49
paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG ..	29	PEDVAX HIB SUSP	66	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG ..	20
paliperidone 6 MG	29	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	50	perindopril erbumine 4 MG	20
palonosetron hcl SOLN	17	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM		PERJETA	24
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	44			permethrin CREA	43
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 44				permethrin LIQD EX	43
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-				perphenazine TABS	30
				perphenazine-amitriptyline	62
				PERSERIS PRSY	29
				PFIZER-BIONTECH COVID-	

19VACCINE SUSP 68	phenytoin CHEW13	PLEGRIDY SOAJ63
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP 68	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG13	PLEGRIDY SOSY SC 63
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 68	phenytoin sodium SOLN13	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 63
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP 68	phenytoin SUSP 13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC63
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP68	PHEXXI69	plerixafor50
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP68	PHOSLYRA SOLN48	PNEUMOVAX 23 SOSY66
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP68	PHOTOFRIN27	PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN . 66
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..68	PIFELTRO31	podofilox SOLN42
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y ... 68	pilocarpine hcl (oral)57	polymyxin b sulfate SOLR22
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y ...68	pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 59	polymyxin b-trimethoprim 59
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 68	pimecrolimus42	POMALYST25
PHEBURANE PLLT45	pimozide63	posaconazole SUSP18
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG48	pindolol TABS32	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 55
phenacetin sulfate13	pioglitazone hcl16	potassium bicarbonate TBEF55
phenobarbital ELIX50	pioglitazone hcl-glimepiride15	potassium chloride CPCR56
phenobarbital TABS50	pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %55
phentermine hcl CAPS1	piperacillin sodium-tazobactam sodium61	potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L55
	PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...27	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %55
	PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...27	potassium chloride microencapsulated crystals er55
	PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...27	potassium chloride PACK OR 20 MEQ56
	pirfenidone CAPS63	
	pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 64	
	pirfenidone TABS 534 MG64	
	piroxicam CAPS4	
	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..55	
	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)55	

POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 56	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE60	PRENATAL PLUS TABS 57
potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML56	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 36	PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS 57
potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ 56	prednisolone sodium phosphate TBDP36	PRENATAL TABS 58
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS55	prednisolone SOLN36	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS57
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)55	prednisolone TABS 36	PRENATAL VITAMIN TABS58
potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 48	prednisone SOLN36	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS 57
potassium phosphates 236 MG/ML- 224 MG/ML55	prednisone TABS 1 MG, 5 MG 36	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS57
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD38	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG36	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT58
pralatrexate 20 MG/ML 24	prednisone TBPk 36	PRENATRIX TABS 58
pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG28	PREFEST 46	PRENATRYL TABS58
pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG28	pregabalin (once-daily) 330 MG ... 63	PREVNAR 13 66
prasugrel hcl49	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG 63	PREVNAR 20 66
pravastatin sodium 19	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12	PREZCOBIX31
praziquantel8	pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ... 12	PREZISTA SUSP31
prazosin hcl CAPS20	pregabalin SOLN12	PREZISTA TABS (darunavir)31
PRECISION XTRA43	PREHEVBRIQ68	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG 31
PRED MILD 60	PREMARIN69	PRIFTIN23
PRED-G SUSP60	PREMARIN SOLR46	primaquine phosphate TABS23
prednicarbate OINT42	PREMARIN TABS 47	primidone 50 MG, 250 MG12
prednisolone acetate (ophth)60	PREMPHASE 46	PRIORIX SUSR69
	PREMPRO 46	PROAIR DIGIHALER10
	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 57	PROAIR RESPIClick AEPB10
	PRENATAL ONE DAILY TABS57	probenecid 48

procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8	PROQUAD SUSR69	quinidine sulfate TABS8
prochlorperazine 30	protriptyline hcl 14	quinine sulfate CAPS 324 MG23
prochlorperazine maleate TABS ...30	PROVISC SOSY60	QUZYTIR SOLN IV19
PROCRT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML49	PULMICORT FLEXHALER AEPB ..9	QVAR REDHALER 9
PROCRT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML50	PULMOZYME63	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS58
PROCRT 40000 UNIT/ML 50	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS58	RA PRENATAL TABS 58
progesterone CAPS62	pyrazinamide23	rabeprazole sodium TBEC65
PROGRAF PACK56	pyridostigmine bromide SOLN OR 23	raloxifene hcl45
PROGRAF SOLN56	pyridostigmine bromide TABS 60 MG23	ramelteon50
PROLASTIN-C SOLN63	pyridostigmine bromide TBCR23	ramipril CAPS20
PROLEUKIN27	pyrimethamine23	ranitidine hcl TABS 150 MG65
PROLIA SOSY44	QC PRENATAL TABS58	ranolazine TB12 1000 MG8
PROMACTA PACK50	QINLOCK27	ranolazine TB12 500 MG8
PROMACTA TABS 50	QUADRACEL SUSP64	rasagiline mesylate28
promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML19	QUADRACEL SUSY64	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..52
promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG 19	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG 29	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI52
promethazine hcl SUPP 50 MG ... 19	quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG29	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 52
promethazine hcl TABS19	quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG29	REBIF REBIDOSE SOAJ63
propafenone hcl CP12 9	quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG29	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ63
propafenone hcl TABS9	quinapril hcl 20 MG, 40 MG20	REBIF SOSY63
proparacaine hcl60	quinapril hcl 5 MG, 10 MG20	REBIF TITRATION PACK SOSY ..63
propranolol hcl CP2432	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG21	RECOMBIVAX HB SUSP69
propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML32	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG21	RECOMBIVAX HB SUSY69
propranolol hcl TABS 32	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG21	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal)) .7
propylthiouracil64		REGRANEX43
		RELENZA DISKHALER32
		RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES

30G	53	RINVOQ LQ SOLN	2	RUBRACA	27
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	53	RINVOQ TB24	3	rufinamide SUSP	12
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	53	risedronate sodium TABS 150 MG	44	rufinamide TABS 200 MG	12
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	43	risedronate sodium TABS 35 MG	45	rufinamide TABS 400 MG	12
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	43	risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG	45	RUKOBIA	31
RENFLEXIS	47	risedronate sodium TBEC	45	RUXIENCE	24
repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16	RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres)	29	RYBELSUS TABS	16
repaglinide 2 MG	16	risperidone microspheres	29	salsalate	5
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	19	risperidone SOLN	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (octreotide acetate)	46
REPATHA SOSY	19	risperidone TABS	29	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	46
REPATHA SURECLICK SOAJ	19	risperidone TBDP	29	SANTYL OINT	42
RETACRIT	50	ritonavir TABS	31	sapropterin dihydrochloride PACK	45
RETEVMO CAPS	27	rivastigmine tartrate CAPS	62	sapropterin dihydrochloride TABS	46
RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	31	rizatriptan benzoate TABS 10 MG	54	SAVELLA TABS	62
REXULTI	30	rizatriptan benzoate TABS 5 MG	54	SAVELLA TITRATION PACK MISC 62	
ribavirin (hepatitis c) CAPS	31	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	54	saxagliptin hcl	16
ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 31		rizatriptan benzoate TBDP 5 MG	54	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG	15
RIDAURA	3	roflumilast	9	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	15
rifabutin	23	romidepsin SOLR	27	SCEMBLIX 100 MG	27
rifampin CAPS	23	ropinirole hydrochloride TABS	28	SCEMBLIX 20 MG	27
rifampin SOLR	23	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	28	SCEMBLIX 40 MG	27
riluzole TABS	59	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	28	scopolamine	17
rimantadine hydrochloride TABS ..	32	rosuvastatin calcium TABS	19	SELECT INSULIN SYRINGES	53
ringer's	55	ROTARIX SUSP	69	SELECT LANCETS	53
ringer's irrigation	56	ROTARIX SUSR	69	selegiline hcl CAPS	29
		ROTATEQ SOLN	69	selegiline hcl TABS	29
		ROZLYTREK CAPS	27	selenium sulfide LOTN 2.5 %	40

SELZENTRY SOLN31	SLYND36	SORBITOL 3 %48
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 31	SM PRENATAL VITAMINS TABS .58	SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION48
SEREVENT DISKUS10	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)55	sotalol hcl (afib/afl)32
sertraline hcl CONC14	sodium acetate SOLN55	sotalol hcl TABS 240 MG32
sertraline hcl TABS 100 MG14	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 % 48	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG32
sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 14	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %37	SOVALDI TABS 200 MG31
sevelamer carbonate PACK48	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %56	SOVALDI TABS 400 MG31
sevelamer carbonate TABS48	sodium citrate & citric acid48	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP69
SHINGRIX69	sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG55	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP69
SIGNIFOR46	sodium phenylbutyrate POWD46	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY69
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN33	sodium phenylbutyrate TABS46	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY69
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR34	sodium polystyrene sulfonate POWD 56	spinosad43
sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS34	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML56	SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate) ..9
sildenafil citrate33	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate51	SPIRIVA RESPIMAT AERS9
silodosin48	SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS31	spironolactone & hydrochlorothiazide44
silver sulfadiazine40	solifenacin succinate TABS66	spironolactone TABS44
SIMPONI ARIA SOLN3	SOLQUA 100/3315	SPRAVATO 56MG DOSE13
SIMULECT56	SOLOSEC2	SPRAVATO 84MG DOSE13
simvastatin TABS19	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG36	SPRYCEL (dasatinib)27
sirolimus TABS56	SOLU-CORTEF 250 MG36	stannous fluoride CONC57
SIRTURO23	SOLU-MEDROL 2 GM36	stavudine CAPS31
SIVEXTRO TABS22	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG . 45	STELARA 130 MG/26ML47
SKYLA36	sorafenib tosylate27	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...40
SKYRIZI PEN SOAJ40		STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...40
SKYRIZI SOCT47		STELARA SOSY 90 MG/ML40
SKYRIZI SOLN47		
SKYRIZI SOSY40		

STENDRA	33		21	tacrolimus (topical) OINT	42
STIOLTO RESPIMAT	10	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	tacrolimus CAPS	56
STIVARGA	27	SULFAMYLLON CREA	40	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	34
STRENSIQ	46	sulfasalazine TABS	47	tadalafil 5 MG	33
streptomycin sulfate SOLR	2	sulfasalazine TBEC	47	TAFINLAR CAPS	27
STRIBILD	31	sulindac TABS	4	TAFINLAR TBSO	27
STRIVERDI RESPIMAT	10	sumatriptan	54	tafluprost	60
SUBSYS LIQD 100 MCG	6	sumatriptan succinate SOAJ	54	TAGRISSO 40 MG	24
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	6	sumatriptan succinate SOCT	54	TAGRISSO 80 MG	24
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	6	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	54	TAKHZYRO SOLN	49
sucralfate SUSP	65	sumatriptan succinate TABS	54	TAKHZYRO SOSY	49
sucralfate TABS	65	sumatriptan-naproxen sodium	54	TALZENNA	27
sulconazole nitrate CREA	39	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	27	tamoxifen citrate TABS	25
sulconazole nitrate SOLN	39	sunitinib malate 37.5 MG	27	tamsulosin hcl	48
sulfacetamide sodium (acne)	38	SUNOSI 150 MG	1	TASIGNA 150 MG, 200 MG	27
sulfacetamide sodium (ophth) SOLN	59	SUNOSI 75 MG	1	TASIGNA 50 MG	27
sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	38	SYNAREL	45	tavaborole	39
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	38	SYNERA PTCH	42	TAVALISSE	49
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	38	SYNJARDY TABS	15	tazarotene CREA 0.1 %	40
sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	38	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	TAZVERIK	27
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	60	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15	TDVAX SUSP	64
sulfadiazine TABS	64	SYNRIBO	27	TEFLARO	35
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	64	TEGRETOL SUSP (carbamazepine)	12
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	TABLOID	24	TEGRETOL TABS (carbamazepine)	12
		TABRECTA	27	TEGSEDI	63
				telmisartan	20
				telmisartan-amlodipine	21
				telmisartan-hydrochlorothiazide	21

temazepam 15 MG, 30 MG50	TABS58	tolmetin sodium TABS 600 MG4
temazepam 7.5 MG, 22.5 MG50	THIOLA EC TBEC 100 MG	TOLSURA CAPS18
TEMODAR SOLR23	(tiopronin)48	tolterodine tartrate CP2466
temozolomide CAPS23	THIOLA EC TBEC 300 MG	tolterodine tartrate TABS66
temsirolimus27	(tiopronin)48	tolvaptan TABS46
TENIVAC INJ64	thioridazine hcl30	topiramate CPSP 15 MG12
tenofovir disoproxil fumarate TABS	thiotepa 15 MG23	topiramate CPSP 25 MG12
31	thiothixene30	topiramate CS2412
terazosin hcl20	THYMOGLOBULIN56	topiramate TABS 200 MG12
terbinafine hcl TABS18	THYROGEN 0.9 MG43	topiramate TABS 25 MG, 100 MG .12
terbutaline sulfate SOLN10	tiagabine hcl12	topiramate TABS 50 MG12
terbutaline sulfate TABS10	TIBSOVO27	topotecan hcl SOLN28
terconazole vaginal CREA69	tigecycline64	topotecan hcl SOLR28
terconazole vaginal SUPP69	timolol maleate (ophth) SOLG59	toremifene citrate25
teriflunomide63	timolol maleate (ophth) SOLN59	torsemide TABS44
teriparatide SOPN45	timolol maleate TABS32	TRACLEER TBSO33
TERIPARATIDE SOPN45	tiopronin TBEC 100 MG48	tramadol hcl TABS 50 MG6
TESTOSTERONE CYPIONATE	tiopronin TBEC 300 MG48	tramadol hcl TB246
SOLN IJ 200 MG/ML7	tiotropium bromide monohydrate	tramadol-acetaminophen7
testosterone cypionate SOLN IM ...7	CAPS9	trandolapril 1 MG, 2 MG20
testosterone enanthate SOLN IM ...7	TIVICAY TABS31	trandolapril 4 MG20
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-	tizanidine hcl CAPS58	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2
ADSORBED ADULT SUSP65	tizanidine hcl TABS58	MG, 240 MG-1 MG21
tetrabenazine62	tobramycin (ophth) SOLN59	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2
tetracycline hcl CAPS64	tobramycin NEBU2	MG, 240 MG-4 MG21
THALOMID56	tobramycin sulfate SOLN IJ 10	tranexamic acid SOLN 1000
theophylline ELIX10	MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML ...2	MG/10ML50
theophylline SOLN10	tobramycin-dexamethasone SUSP	tranexamic acid TABS50
theophylline TB1210	60	tranylcypromine sulfate13
theophylline TB2410	TODAY SPONGE MISC69	travoprost SOLN60
THERANATAL CORE NUTRITION	tolcapone28	TRAZIMERA24
	tolmetin sodium CAPS4	

trazodone hcl TABS	14	OINT 0.5 %	42	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	52
TRECTOR	23	triamcinolone acetone SUSP 40		TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL	
TRELEGY ELLIPTA	10	MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML		MISC	52
TRELSTAR MIXJECT	25		37		
TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	40	triamterene & hydrochlorothiazide		tropicamide SOLN 0.5 %	59
TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	40	CAPS 25 MG-37.5 MG	44	tropicamide SOLN 1 %	59
TREMFYA SOLN	40	triamterene & hydrochlorothiazide		trospium chloride CP24	66
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	40	TABS	44	trospium chloride TABS	66
TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	40	triamterene CAPS	44	TRUE COVER DEVI	52
treprostinil SOLN IJ	33	triazolam	50	TRUE METRIX BLOOD	
tretinoin (chemotherapy)	27	TRICARE TABS	58	GLUCOSETEST STRIPS STRP ..	43
tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1		trientine hcl 250 MG	56	TRUE METRIX CONTROL	
%	38	trifluoperazine hcl TABS	30	SOLUTION LEVEL 3 SOLN	53
tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	38	trifluridine	59	TRUE METRIX SELF MONITORING	
tretinoin microsphere 0.1 %	38	trihexyphenidyl hcl SOLN	28	BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	43
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10		trihexyphenidyl hcl TABS	28	TRUETRACK TEST STRP	43
MG, 15 MG	24	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-		TRULICITY	16
triamcinolone acetone (mouth) ..	57	12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG ..	15	TRUMENBA	66
triamcinolone acetone (nasal)		TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10		TRUSTEX COLOR CONDOMS +	
AERO	58	MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15	LUBE MISC	52
triamcinolone acetone (topical)		TRIKAFTA TBPB	63	TRUSTEX LUBRICATED	
CREA 0.025 %	42	trimethobenzamide hcl CAPS	17	EXTRALARGE MISC	52
triamcinolone acetone (topical)		trimethoprim TABS	21	TRUSTEX LUBRICATED	
CREA 0.1 %	42	trimipramine maleate CAPS	15	EXTRASTRENGTH MISC	52
triamcinolone acetone (topical)		TRINTELLIX	14	TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	52
CREA 0.5 %	42	TRIUMEQ TABS	31	TRUSTEX	
triamcinolone acetone (topical)		TRIZIVIR	31	LUBRICATED/RIBBED/STUDD	
LOTN 0.025 %	42	TROJAN MAGNUM MISC	52	MISC	52
triamcinolone acetone (topical)		TROJAN ULTRA THIN		TRUSTEX	
LOTN 0.1 %	42	LUBRICATED MISC	52	LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA	
triamcinolone acetone (topical)		TROJAN ULTRA		LARGE MISC	52
OINT 0.025 %, 0.1 %	42	THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT		TRUSTEX	
triamcinolone acetone (topical)		MISC	52	LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA	
				STRENGTH MISC	52

TRUSTEX	MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200	VECTIBIX 100 MG/5ML	24
LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	VELPHORO	48
52			
TRUSTEX NATURAL CONDOMS	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	venlafaxine hcl CP24 150 MG	14
+LUBE/LUBRICATED MISC	34	venlafaxine hcl CP24 37.5 MG	14
53	ursodiol CAPS	venlafaxine hcl CP24 75 MG	14
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-	47	venlafaxine hcl TABS	14
9/RIBBED/STUDED MISC	47	venlafaxine hcl TB24 150 MG	14
53	UVADEx	venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75	
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC .	27	MG, 225 MG	14
53	valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...	verapamil hcl CP24 100 MG, 200	
	31	MG, 300 MG	33
TRUSTEX/RIA LUBRICATED	valacyclovir hcl 500 MG	verapamil hcl CP24 120 MG, 180	
SPERMICIDE MISC	32	MG, 240 MG, 360 MG	33
53	valganciclovir hcl TABS	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	33
	31	verapamil hcl TABS	33
TRUSTEX/RIA	valproate sodium SOLN OR 250	verapamil hcl TBCR	33
LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	MG/5ML, 500 MG/10ML	VEREGEN	38
53	13	VERZENIO	27
	13	VICTOZA (liraglutide)	16
TRUXIMA	valproic acid CAPS	vigabatrin PACK	12
24	13	vigabatrin TABS	12
TUKYSA	valrubicin	VIIBRYD STARTER PACK KIT	14
24	26	vilazodone hcl TABS	14
TURALIO	valsartan TABS	vincristine sulfate	28
27	20	vinorelbine tartrate 10 MG/ML	28
TUZISTRA XR	valsartan-hydrochlorothiazide	VIRACEPT TABS 250 MG	31
37	21	VIRACEPT TABS 625 MG	31
TWINRIX SUSY	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	VIREAD POWD	31
69	11	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG,	
TWIRLA	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...	250 MG	31
35	11	VISTOGARD	17
TYBLUME CHEW	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...		
35	11		
TYBOST	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD		
31	11		
TYMLOS	vancomycin hcl CAPS		
45	22		
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10		
33	GM, 500 MG, 1000 MG		
33	22		
TYVASO SOLN IN	vancomycin hcl SOLR OR 25		
33	MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .		
33	22		
UBRELVY	VAQTA		
54	69		
UCERIS (budesonide (intrarectal))	varenicline tartrate TABS		
.7	63		
UDENYCA ONBODY SOSY	varenicline tartrate TBPK		
50	63		
UDENYCA SOAJ	VARIVAX SUSR		
50	69		
UDENYCA SOSY	VARUBI TBPK		
50	18		
UPTRAVI TABS 200 MCG	VAXNEUVANCE		
34	66		
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600	VECAMEYL		
	21		

VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	70	10	25
VITATHELY/GINGER TABS	58	XARELTO SUSR	10
VITRAKVI CAPS	27	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10
VITRAKVI SOLN	27	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10
VIZIMPRO	24	XELJANZ SOLN	3
VORAXAZE	28	XELJANZ TABS 10 MG	3
voriconazole TABS	18	XELJANZ TABS 5 MG	3
VOSEVI	31	XELJANZ XR TB24	3
VOTRIENT (pazopanib hcl)	27	XEOMIN	59
VYNDAMAX	34	XERAVA	64
VYNDAQEL	34	XGEVA SOLN	45
VYVANSE CAPS	1	XHANCE EXHU	58
warfarin sodium TABS	10	XIFAXAN 200 MG	21
water for irrigation, sterile	56	XIFAXAN 550 MG	21
WESTAB PLUS TABS	58	XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	15
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	53	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	53	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	53	XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	53	XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	9
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	53	XOLAIR SOLR	9
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	53	XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	53	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	9
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	53	XOSPATA	27
XALKORI CAPS	27	XPOVIO	25
XARELTO STARTER PACK TBPk		XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25	
		XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	
		XTAMPZA ER	6
		XTANDI CAPS	25
		XTANDI TABS 40 MG	25
		XTANDI TABS 80 MG	25
		XULTOPHY 100/3.6	15
		XYNTHA	49
		XYNTHA SOLOFUSE	49
		YERVOY	24
		YONSA	25
		zafirlukast	9
		zaleplon 10 MG	50
		zaleplon 5 MG	50
		ZALTRAP 100 MG/4ML	24
		ZANOSAR	23
		ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13
		ZARXIO	50
		ZEJULA CAPS	27
		ZEJULA TABS 100 MG	27
		ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG ..	27
		ZELBORAF	27
		ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	43
		ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	44
		zidovudine CAPS	31

zidovudine SYRP	31
zidovudine TABS	31
ZIEXTENZO	50
zileuton TB12	9
ziprasidone hcl	29
ZIRABEV	24
ZIRGAN GEL	59
ZOLADEX 10.8 MG	25
ZOLADEX 3.6 MG	25
zoledronic acid CONC	45
zoledronic acid SOLN	45
ZOLINZA	27
zolmitriptan SOLN	54
zolmitriptan TABS	54
zolmitriptan TBDP	55
zolpidem tartrate TABS	50
zolpidem tartrate TBCR	50
zonisamide CAPS	12
ZONTIVITY	49
ZORBTIVE SC	45
ZYDELIG	27
ZYLET	60

